

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày 07/5/2021  
V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Phương.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Dương Tiến Tăng
2. Ông Lùng Minh Chương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký tòa án nhân dân huyện H, tỉnh H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Lý Chàn T. Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh H. Có mặt.

Bị đơn: chị Phượng Mùi S. Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn là anh Lý Chàn T trình bày như sau:

Anh T và chị S tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh H vào ngày 21/5/2013. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ anh T tại xã T, huyện H một thời gian rồi anh T đi làm thuê còn chị S ở nhà nhưng không chịu lo làm ăn và hay đi chơi với bạn bè. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị S hay đi chơi và khi anh T nhắc nhở thì chị S không chịu thay đổi. Ngoài ra, chị S còn có tình cảm với người đàn

ông khác làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Giữa năm 2020, chị S đã đi làm thuê sau đó anh T có gọi về nhà để mọi người hòa giải cho vợ chồng. Trong buổi hòa giải thì chị S nói là không ở cùng anh T nữa và đồng ý giải quyết ly hôn và có ký biên bản tại gia đình. Sau đó, chị S đi làm thuê và đến tết nguyên đán năm 2021 về thăm con một hôm rồi lại đi. Chị S nói là sẽ lên Tòa án làm thủ tục ly hôn theo quy định nhưng sau khi được Tòa gọi lại không chịu lên. Nay chị S vẫn có khẩu tại nhà anh T nhưng đi làm thuê suốt và cũng không bàn bạc gì với anh T và không gửi tiền về cho anh T nuôi con nên anh T thấy tình trạng vợ chồng không hạnh phúc và xin ly hôn với chị S.

Về con chung: anh T và chị S có con chung tên là cháu Lý Thị T; sinh ngày 03/01/2013. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung. Trong suốt thời gian gần một năm từ khi đi làm thuê thì chị S để anh T nuôi con một mình và chị S cũng không về thăm con hay gửi tiền cho anh T nuôi con. Anh T cho rằng chị S không làm tròn nghĩa vụ của người mẹ đối với con. Hiện nay cháu Thanh đang được đi học lớp 2 trường Tiểu học xã T, huyện H. Anh T yêu cầu được nuôi và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị S không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Phụng Múi S:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo và giấy triệu tập chị S đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị S đều vắng mặt. Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương. Người thân của anh T và trưởng thôn P, xã T cho biết: chị S và anh T đã đăng ký kết hôn và về chung sống cùng nhau tại nhà bố, mẹ anh T từ năm 2013. Nguyên nhân vợ chồng T, S phát sinh mâu thuẫn là do chị S thường xuyên đi chơi với đàn ông nên vợ chồng mâu thuẫn và được gia đình hòa giải nhưng chị S và anh T không thể khắc phục mâu thuẫn nên buổi hòa giải đã thống nhất ly hôn. Sau đó chị S bỏ đi làm thuê và vợ chồng không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Về con chung thì khi chị S đi làm thuê thì anh T nuôi và cho đi học ở xã T. Về tài sản chung, công nợ chung thì vợ chồng anh T và chị S không có tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ của đương sự là không có mặt khi được Tòa án triệu tập. Về yêu cầu khởi kiện, chị S và anh T có đăng ký kết hôn sau đó có mâu thuẫn và không khắc phục được. Mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, đề nghị xử cho anh T được ly hôn chị S.

Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị S không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lý Chàn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phượng Mùi S và yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị S đều vắng mặt. Tòa án đã niêm yết văn bản theo quy định. Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Chị S vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/4/2021 nên Tòa án hoãn phiên tòa và tiếp tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa đến nay chị S đã được niêm yết văn bản hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung: căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các lời khai của nguyên đơn là anh Lý Chàn T và các biên bản xác minh tại thôn P, xã T, huyện H thấy rằng: anh T và chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H vào ngày 21/5/2013. Sau khi vợ chồng cùng chung sống một thời gian thì có phát sinh mâu thuẫn nên đã không chung sống cùng nhau và không bàn bạc, thống nhất với nhau các vấn đề trong cuộc sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau. Vợ chồng đã được gia đình và chính quyền thôn hòa giải và khuyên bảo về việc khắc phục mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc với nhau nhưng cả hai vợ chồng đều không khắc phục được mâu thuẫn và đã ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị S đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh T yêu cầu ly hôn chị S là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị S có con chung cháu Lý Thị T; sinh ngày 03/01/2013. Nay cháu Thanh đã đủ 7 tuổi và có nguyện vọng ở cùng anh T. Chị S đi làm thuê không chăm sóc được cho con và không có chỗ ở ổn định nên anh T yêu cầu được nuôi con chung và không đề nghị chị S cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: anh T và chị S không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Chàn T. Tuyên xử cho anh Lý Chàn T được ly hôn chị Phượng Mùi S.

\* **Về con chung:** Giao cháu Lý Thị Thanh; sinh ngày 03/01/2013 cho anh Lý Chàn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Phượng Mùi S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

\* **Về tài sản chung, công nợ chung:** anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Về án phí:** anh Lý Chàn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 04377, ngày 22 tháng 10 năm 2020.

\* **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện HSP;
- THADS huyện HSP;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Nguyễn Minh Phương**

